

Số: 172/KH-UBND

Cà Mau, ngày 01 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân

Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Thực hiện Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân (viết tắt là Nghị định số 20/2026/NĐ-CP), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch; hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tổ chức thực hiện chính sách; bảo đảm việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng quy định, công khai, minh bạch và hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức triển khai Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, đối tượng và điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, công khai, minh bạch và hiệu quả.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện; gắn trách nhiệm với tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện từng nhiệm vụ, nội dung thực hiện.

- Việc triển khai các nhiệm vụ phải bảo đảm đúng tiến độ theo lộ trình đề ra; chủ động bố trí nguồn lực, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện; kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tiếp nhận, giải quyết và quản lý các nội dung hỗ trợ; ưu tiên thực hiện hỗ trợ theo phương thức điện tử; đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính, hạn chế tối đa việc phát sinh thủ tục, giấy tờ không cần thiết, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình và kết quả triển khai Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện, những khó khăn, vướng mắc phát sinh; kịp thời đề xuất giải pháp, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ và thống nhất các nội dung của Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ đến cộng đồng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh; trong đó, tập trung làm rõ các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các quyền, nghĩa vụ liên quan.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách; lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các chương trình làm việc với doanh nghiệp; đăng tải, xây dựng chuyên mục tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương và các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Triển khai chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh

2.1. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, sử dụng quỹ đất tại khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 (theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP)

Giao Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh rà soát, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu quy định tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan, tham mưu cấp thẩm quyền trong việc hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, sử dụng quỹ đất tại khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ đảm bảo theo quy định.

2.2. Hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 (quy định cụ thể tại Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP)

- Đối tượng thụ hưởng: Chủ đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ.

- Nội dung hỗ trợ: Chủ đầu tư được hoàn trả khoản hỗ trợ đã giảm tiền thuê lại khi cho các doanh nghiệp thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp,

vườn ươm công nghệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Cơ quan chủ trì triển khai và thực hiện chính sách: Sở Tài chính có trách nhiệm nghiên cứu nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP để triển khai, thực hiện theo đúng quy định.

2.3. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công (quy định cụ thể tại Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP)

- Đối tượng thụ hưởng: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cho thuê nhà, đất là tài sản công được thực hiện thông qua việc thuê nhà, đất của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác theo Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công).

- Cơ quan chủ trì triển khai và thực hiện chính sách: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP để triển khai, thực hiện theo đúng quy định.

3. Triển khai chính sách ưu đãi về thuế

3.1. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (quy định cụ thể tại Điều 7 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP)

- Đối với nhóm đối tượng gồm: Công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn: Được miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Đối với nhóm đối tượng gồm: Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: Được miễn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Đối với đối tượng là doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu: Được miễn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Cơ quan chủ trì triển khai và thực hiện chính sách: Thuế tỉnh Cà Mau có trách nhiệm nghiên cứu nội dung quy định tại Điều 7 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP để triển khai, thực hiện theo đúng quy định.

3.2. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân (quy định cụ thể tại Điều 8 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP)

- Đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập này (thực hiện theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP).

- Đối với cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn có thu nhập từ tiền lương, tiền công nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: được miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Cơ quan chủ trì triển khai và thực hiện chính sách: Thuế tỉnh Cà Mau có trách nhiệm nghiên cứu nội dung quy định tại Điều 8 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP để triển khai, thực hiện theo đúng quy định.

4. Triển khai chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực

4.1. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (quy định cụ thể tại Điều 9 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP)

- Đối tượng thụ hưởng: Doanh nghiệp.

- Nội dung hỗ trợ: Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với: khoản chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi, khoản chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp được tính bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này tại doanh nghiệp.

- Cơ quan chủ trì triển khai và thực hiện chính sách: Thuế tỉnh Cà Mau có trách nhiệm nghiên cứu nội dung quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP để triển khai, thực hiện theo đúng quy định.

4.2. Hỗ trợ cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung (quy định cụ thể tại Điều 10 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP)

- Đối tượng thụ hưởng: Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; hộ kinh doanh; cá nhân kinh doanh.

- Nội dung hỗ trợ: Cung cấp miễn phí nền tảng số tích hợp phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, chữ ký số. Phần mềm đảm bảo các quy định của pháp luật kế toán, pháp luật thuế và pháp luật khác có liên quan, an toàn dữ liệu, có khả năng kết nối hoặc sẵn sàng kết nối thuế.

- Cơ quan chủ trì triển khai và thực hiện chính sách: Thuế tỉnh Cà Mau có trách nhiệm nghiên cứu nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP để triển khai, thực hiện theo đúng quy định.

4.3. Hỗ trợ miễn phí dịch vụ đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự (quy định cụ thể tại Điều 11 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP)

- Đối tượng thụ hưởng: Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; hộ kinh doanh; cá nhân kinh doanh.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% tổng chi phí của khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp (bao gồm cả quản trị kế toán, thuế, nhân sự).

- Cơ quan chủ trì triển khai và thực hiện chính sách: Sở Tài chính có trách nhiệm nghiên cứu nội dung quy định tại Điều 11 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP để triển khai, thực hiện theo đúng quy định.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CẦN TRIỂN KHAI

Danh mục nhiệm vụ phân công thực hiện tại Phụ lục kèm theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

- Căn cứ nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn ngân sách địa phương và trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh hằng năm trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đề xuất Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Theo dõi, đánh giá kết quả triển khai chính sách, định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính kết quả triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP, tổng hợp chung trong báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình

- Xây dựng kế hoạch triển khai các chính sách hỗ trợ và nhiệm vụ tại Kế hoạch này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính).

- Các sở, ban, ngành xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện các chính sách hỗ trợ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp.

- Ủy ban nhân dân xã, phường xây dựng kế hoạch và dự toán đề xuất ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho xã, phường để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Định kỳ trước ngày 20 tháng 11 hằng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính.

3. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

- Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

- Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Tài chính để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc tổ chức thực hiện Kế hoạch này (kèm theo biểu phụ lục)/.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Công TTĐT (tuyên truyền);
- Lưu: VT, KTTH (Ph_{KTTN}03.3), M.A90/4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Chí Nguyễn